

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13-11-2018

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Hà Thị Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05/9/2018 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hoàng Thị Ngọc A - sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu 4, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

Bị đơn: anh Bùi Ngọc T - sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu 12, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 29/8/2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Bùi Ngọc T kết hôn ngày 15/7/2015, việc kết hôn là tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ của anh T tại xã Đ, huyện C, tỉnh

Phú Thọ và làm lao động tự do. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không hợp nhau khiến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Do mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 12/2016 đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Ngọc T.

Tại bản tự khai anh Bùi Ngọc T trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị A là đúng về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, sau khi được hai bên gia đình hòa giải thì vợ chồng lại bình thường. Khoảng tháng 5/2017, vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân, anh có đến bảo chị A về nhưng chị A không về. Nay anh xét thấy anh vẫn còn tình cảm với chị A, chị A xin ly hôn anh không nhất trí mà xin được đoàn tụ.

Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung Bùi Bảo P - sinh ngày 04/12/2015, hiện đang ở cùng với anh T. Ly hôn hai bên đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Hai bên trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật không vi phạm gì. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 3 điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Hoàng Thị Ngọc A được ly hôn anh Bùi Ngọc T

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Bảo P - sinh ngày 04/12/2015. Anh Bùi Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị A không yêu cầu.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Ngọc A phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Bùi Ngọc T đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa cho thấy quá trình chung sống vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân kể từ tháng 12 năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị A xin ly hôn anh T là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về phía anh T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức phải ly hôn, nhưng kể từ tháng 12/2016 đến nay vợ chồng sống ly thân anh không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, nên việc anh xin đoàn tụ là không thực tâm nên cần giải quyết cho anh, chị ly hôn là phù hợp với thực tế tình cảm vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Bùi Bảo P- sinh ngày 04/12/2015, hiện nay đang ở với anh T. Ly hôn hai bên đều xin được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng. Xét thấy việc hai bên đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Nhưng hiện nay cháu Bùi Bảo P chưa đủ 36 tháng tuổi, ở độ tuổi này cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, hơn nữa chị A có đủ điều kiện để nuôi cháu, nên cần giao con chung cho chị Hoàng Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị A không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 điều 56; Điều 58; Khoản 3 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3

điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Hoàng Thị Ngọc A được ly hôn anh Bùi Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Bảo P - sinh ngày 04/12/2015, kể từ tháng 11/2018 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị A không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008287 ngày 05/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự ;
- UBND xã Đồng Lương;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dân